

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08/05/2023
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường
2. Ông Vũ Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/04/2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 03/2023/TB-TA ngày 21/04/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Văn M, sinh năm 1954, có mặt;
 2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951, vắng mặt;
- Cùng địa chỉ: Số 103/4 Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Ngô Văn M trình bày:

Bà Ngô Văn M và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, Đặc khu V-CD nay là TP V, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 21/02/1989.

Quá trình chung sống bà M cho rằng khi sinh người con đầu đã phát sinh mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, mẹ ông T cho rằng cháu Nguyễn Tiến Đ không phải là con ruột ông T, vì điều kiện kinh tế khó khăn bà M không có tiền để mang con đi giám định ADN. Từ đó trở đi giữa vợ chồng bà M thường xuyên

bất hòa do không tìm được tiếng nói chung, mặc dù ông bà vẫn sống chung một nhà nhưng còn không quan tâm tới nhau, bà M đã tìm biện pháp khắc phục nhưng không đạt kết quả. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, không thể duy trì cuộc sống chung. Vì vậy bà M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 2 con chung tên: Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/12/1989, Nguyễn Tiến V, sinh ngày 23/07/1992, hai con đã trưởng thành nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T:

Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt. Theo xác nhận của Công an phường 7, thành phố V hiện nay ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại số 103/4 Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố V, tỉnh B. Sau khi Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa thì ông T có gửi văn bản ý kiến đề ngày 11/04/2023, ngày 27/04/2023 cho Tòa án với nội dung sau:

Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Văn M kết hôn năm 1988 được hai con chung. Quá trình chung sống ông bà không hề xảy ra biến cố gì, không có những lời nói và hành động xúc phạm lẫn nhau, cùng nuôi dạy các con. Tuy nhiên, trong năm gần đây ông bà ít tâm sự với nhau, do bà M bảo thủ, có tư tưởng hiếu thắng trong sinh hoạt làm cho ông T hầu như ít nói, im lặng, chịu đựng cho qua chuyện. Về bản thân ông T, hết lòng lo cho vợ con chu toàn, mọi công việc trong gia đình, đối nội, đối ngoại, từ việc lớn đến việc nhỏ ông T đều lo liệu hết. Bản thân không có quan hệ bất chính, không sa vào tệ nạn xã hội là công dân tốt.

Khi được biết, bà M đã gửi đơn ly hôn đơn phương lên Tòa án, bản thân không thể nào chấp nhận được, vì chẳng có lý do chính đáng nào để ly hôn gây ra phá vỡ sự bình yên của gia đình, ngoài ra ông bà có hai con trai một cháu đã lập gia đình còn một cháu chưa lập gia đình, chưa ra ở riêng, do đó bố mẹ phải là chỗ dựa và là tấm gương về mặt tinh thần cho các con, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Ông bà đã lớn tuổi tình yêu có thể còn ít nhưng tình nghĩa vợ chồng vẫn còn. Khi già yếu ốm đau, nằm liệt giường, hoặc khi qua đời cần có chồng, có vợ có các con bên cạnh chăm sóc, động viên. Gia đình đã có họp và thảo luận, hai con phản ứng gay gắt về đơn ly hôn của mẹ, bản thân ông và các con đã nhận khuyết điểm về mình và khuyên bà M rút đơn và tuyên bố rằng: Từ nay nếu bà M muốn làm gì thì làm không ngăn cấm, miễn đúng lương tâm không làm ảnh hưởng đến gia đình và các con. Bản thân ông T hiện nay nhiều bệnh tật nhất là tim mạch thất thường khi có những cảm xúc buồn không làm chủ được bản thân. Vì vậy ông T không đồng ý ly hôn theo đơn của bà M vì ảnh hưởng quá lớn đến gia đình và các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt

hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt vì sức khỏe và có bản khai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đang cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng ông Nguyễn Văn T có đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà M, ông T tự nguyện chung sống từ năm 1989, có đăng ký kết hôn theo quy định được UBND phường 1, Đặc khu V- CD nay là thành phố V, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 21/02/1989. Qua thời gian chung sống giữa hai ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân ban đầu giữa mẹ chồng nàng dâu, mẹ ông T cho rằng cháu Nguyễn Tiến Đ không phải là con ruột ông T, vì điều kiện kinh tế khó khăn bà M không đi giám định ADN để chứng minh sự trong sạch của mình. Từ lý do này mà mẹ chồng luôn tác động đến ông T gây sự bất hòa và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung trong nhiều vấn đề, không có sự quan tâm chia sẻ buồn vui trong cuộc sống. Tất cả những vấn đề gì cần bàn bạc ông T không bàn bạc trao đổi với bà M mà chỉ thông qua ý kiến của gia đình ông T. Vì vậy mặc dù ông bà sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Về phía ông T cũng thừa nhận trong năm gần đây ông bà ít tâm sự với nhau, do bà M bảo thủ, có tư tưởng hiếu thắng trong sinh hoạt làm cho ông T hầu như ít nói, im lặng, chịu đựng cho qua chuyện. Về bản thân ông T, hết lòng lo cho vợ con chu toàn, mọi công việc trong gia đình, đối nội, đối ngoại, từ việc lớn đến việc nhỏ ông T đều lo liệu hết. Bản thân không có quan hệ bất chính, không sa vào tệ nạn xã hội là một công dân tốt. Hiện nay ông T nhiều bệnh tật nhất là tim mạch thất thường khi có những cảm xúc buồn không làm chủ được bản thân. Vì vậy ông T không đồng ý ly hôn theo đơn của bà M vì ảnh hưởng quá lớn đến gia

đình và các con. Ngoài ra Tòa án có triệu tập hai con của ông T, bà M để làm rõ hơn về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của bà M, ông T. Theo bản khai của anh Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Tiến V khẳng định gia đình sống bình thường, có cãi cọ bất bình về nhiều mặt nhưng đã duy trì 30 năm nay, hai anh rất hạnh diện và tự hào về bố mẹ nên anh Đạt và anh Vĩnh mong muốn bố mẹ được đoàn tụ. Hội đồng xét xử có phân tích động viên bà M trở về đoàn tụ nhưng bà M vẫn cương quyết ly hôn. Phía ông T mặc dù mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để bà M thay đổi ý định ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương không ghi nhận việc vợ chồng bà M, ông T có xảy ra tranh cãi, xô xát, nhưng bà M thường xuyên vắng nhà. Còn bà M cho rằng gia đình bà luôn sống trong chiến tranh lạnh hầu như không có chuyện tranh cãi về lời ăn tiếng nói hoặc xô xát với nhau nên địa phương sẽ không nắm bắt được chuyện nội bộ của gia đình bà M. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng tiến bộ. Vì vậy yêu cầu của bà M xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/12/1989, Nguyễn Tiến V, sinh ngày 23/07/1992, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Vân M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Do bà M là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 300.000đ, tuy nhiên bà M hiện đã trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Ông T không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Bà Ngô Vân M đối với ông Nguyễn Văn T về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Vân M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 06/12/1989, Nguyễn Tiến V, sinh ngày 23/07/1992, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Vân M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Ngô Vân M phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, do bà Ngô Vân M là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THA Dân sự TP V;
- UBND phường 1, TP V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

